TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 104/2023/DS-ST
Ngày: 14.9.2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ngô Thị Hữu

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Sanh

Ông Phạm Công Lương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 14.9.2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2023/TLST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2023/QĐXXST-DS ngày 08/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-DS ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Sông Hàn: Ông Võ Văn H, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Sông Hàn; ông Trương Đình V, chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ. Cùng địa chỉ: Số 240 N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 534, 537/2022/GUQ-CNSH ngày 30/12/2022). Ông V có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Quốc T. Sinh năm 1990. Địa chỉ thường trú: Tổ 36,P. T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: 1A H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn* khởi *kiện, trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 25/05/2021, ông Nguyễn Thanh Quốc T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện 12 giao dịch với tổng số tiền 74,160,250 đồng. Lãi suất áp dụng 2,6%/ tháng, kể từ ngày 01/11/2022 lãi suất 1,87%/ tháng, (lãi suất trong hạn) và được S quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 62,200,913 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/12/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 14/09/2023 ông T còn nợ ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 33, 269,690 đồng. Lãi quá hạn: 8,830,674 đồng. Tổng cộng: 42,100,364 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, một trăm nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng chẵn).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Trịnh có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Sông Hàn đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh Quốc T trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/09/2023 là 42,100,364 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, một trăm nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng chẵn). Trong đó: Nợ gốc: 33,269,690 đồng, lãi quá hạn: 8,830,674 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/09/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 25/05/2021, bị đơn có địa chỉ tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1]: Theo thỏa thuận hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng TMCP S có cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Thanh Quốc T hạn mức là 35.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng 2,6%/ tháng, kể từ ngày 01/11/2022 lãi suất 1,87%/ tháng, (lãi suất trong hạn) và được S quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện 12 giao dịch với tổng số tiền 74,160,250 đồng. ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 62,200,913 đồng theo thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Số tiền còn lại ông T chưa thanh toán cho ngân hàng mặc dù đã được ngân hàng nhiều lần nhắc nhở. Ngày 11/12/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/09/2023 ông T còn nợ ngân hàng 33,269,690 đồng tiền gốc, lãi quá hạn: 8,830,674 đồng. Tổng cộng: 42,100,364 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, một trăm nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng chẵn).

[2.2] Xét thấy: Ông Nguyễn Thanh Quốc T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thanh Quốc T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 42,100,364 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, một trăm nghìn, ba trăm sáu mươi tư) đồng trong đó nợ gốc 33,269,690 đồng, lãi quá hạn: 8,830,674 đồng.

Kể từ ngày 15/9/2023, ông Nguyễn Thanh Quốc T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí :

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Thanh Quốc T

Tuyên xử :

1. Buộc ông Nguyễn Thanh Quốc T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2023 là 42.100.364 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, một trăm nghìn, ba trăm sáu mươi tư) đồng trong đó nợ gốc 33.269.690 đồng, lãi quá hạn: 8.830.674 đồng.

Kể từ ngày 15.9.2023, ông Nguyễn Thanh Quốc T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.105.018 (Hai triệu, một trăm lẻ năm nghìn, không trăm mười tám) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 964.654 đồng theo biên lai thu số 7492 ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hữu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

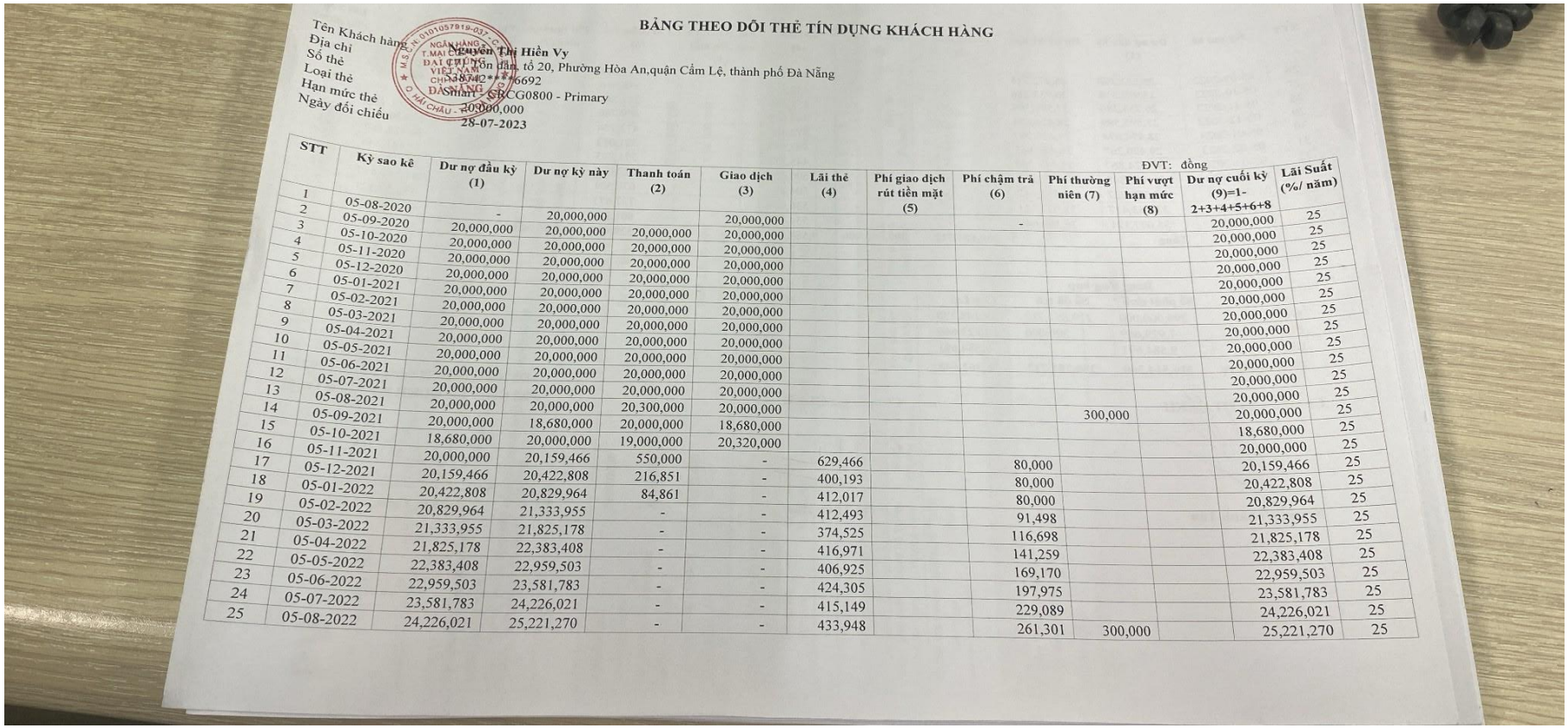
Nơi nhận:
- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hữu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

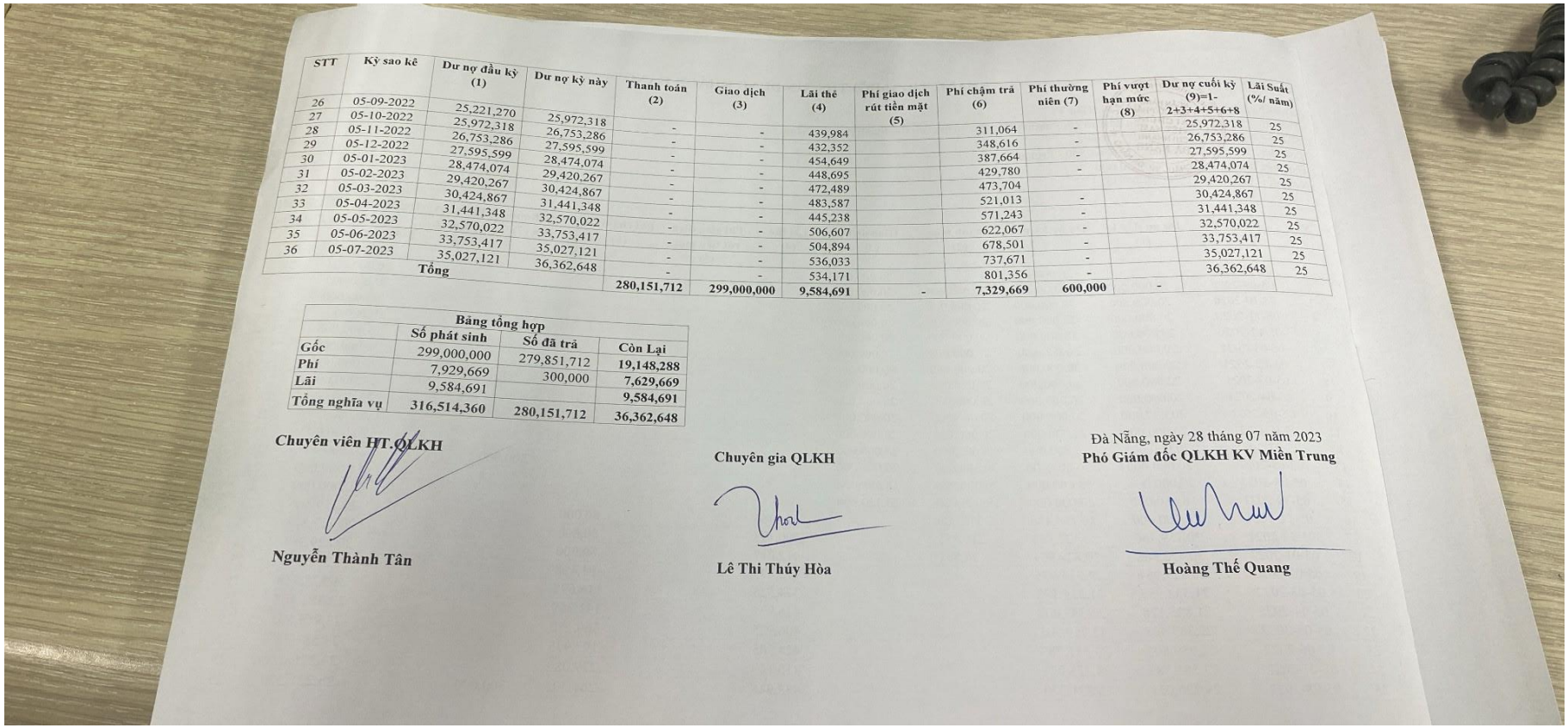


BẢNG THEO DÕI THẺ TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG

Tên Khách hàng: **Nguyễn Thị Hiền Vy**
Địa chỉ: Thôn Hậu, tổ 20, Phường Hòa An,quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
Số thẻ: 388742******6692
Loại thẻ: Smart - SRCG0800 - Primary
Hạn mức thẻ: 20,000,000
Ngày đối chiếu: **28-07-2023**

ĐVT: đồng

STT	Kỳ sao kê	Dư nợ đầu kỳ (1)	Dư nợ kỳ này	Thanh toán (2)	Giao dịch (3)	Lãi thẻ (4)	Phí giao dịch rút tiền mặt (5)	Phí chậm trả (6)	Phí thường niên (7)	Phí vượt hạn mức (8)	Dư nợ cuối kỳ (9)=1-2+3+4+5+6+8	Lãi Suất (%/ năm)
1	05-08-2020	-	20,000,000		20,000,000			-			20,000,000	25
2	05-09-2020	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
3	05-10-2020	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
4	05-11-2020	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
5	05-12-2020	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
6	05-01-2021	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
7	05-02-2021	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
8	05-03-2021	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
9	05-04-2021	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
10	05-05-2021	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
11	05-06-2021	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
12	05-07-2021	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
13	05-08-2021	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000						20,000,000	25
14	05-09-2021	20,000,000	20,000,000	20,300,000	20,000,000				300,000		20,000,000	25
15	05-10-2021	20,000,000	18,680,000	20,000,000	18,680,000						18,680,000	25
16	05-11-2021	18,680,000	20,000,000	19,000,000	20,320,000						20,000,000	25
17	05-12-2021	20,000,000	20,159,466	550,000	-	629,466		80,000			20,159,466	25
18	05-01-2022	20,159,466	20,422,808	216,851	-	400,193		80,000			20,422,808	25
19	05-02-2022	20,422,808	20,829,964	84,861	-	412,017		80,000			20,829,964	25
20	05-03-2022	20,829,964	21,333,955	-	-	412,493		91,498			21,333,955	25
21	05-04-2022	21,333,955	21,825,178	-	-	374,525		116,698			21,825,178	25
22	05-05-2022	21,825,178	22,383,408	-	-	416,971		141,259			22,383,408	25
23	05-06-2022	22,383,408	22,959,503	-	-	406,925		169,170			22,959,503	25
24	05-07-2022	22,959,503	23,581,783	-	-	424,305		197,975			23,581,783	25
25	05-08-2022	23,581,783	24,226,021	-	-	415,149		229,089			24,226,021	25
		24,226,021	25,221,270	-	-	433,948		261,301	300,000		25,221,270	25



STT	Kỳ sao kê	Dư nợ đầu kỳ (1)	Dư nợ kỳ này	Thanh toán (2)	Giao dịch (3)	Lãi thẻ (4)	Phí giao dịch rút tiền mặt (5)	Phí chậm trả (6)	Phí thường niên (7)	Phí vượt hạn mức (8)	Dư nợ cuối kỳ (9)=1-2+3+4+5+6+8	Lãi Suất (%/ năm)
26	05-09-2022	25,221,270	25,972,318	-	-	439,984		311,064	-		25,972,318	25
27	05-10-2022	25,972,318	26,753,286	-	-	432,352		348,616	-		26,753,286	25
28	05-11-2022	26,753,286	27,595,599	-	-	454,649		387,664	-		27,595,599	25
29	05-12-2022	27,595,599	28,474,074	-	-	448,695		429,780	-		28,474,074	25
30	05-01-2023	28,474,074	29,420,267	-	-	472,489		473,704			29,420,267	25
31	05-02-2023	29,420,267	30,424,867	-	-	483,587		521,013	-		30,424,867	25
32	05-03-2023	30,424,867	31,441,348	-	-	445,238		571,243	-		31,441,348	25
33	05-04-2023	31,441,348	32,570,022	-	-	506,607		622,067	-		32,570,022	25
34	05-05-2023	32,570,022	33,753,417	-	-	504,894		678,501	-		33,753,417	25
35	05-06-2023	33,753,417	35,027,121	-	-	536,033		737,671	-		35,027,121	25
36	05-07-2023	35,027,121	36,362,648	-	-	534,171		801,356	-		36,362,648	25
Tổng				**280,151,712**	**299,000,000**	**9,584,691**	**-**	**7,329,669**	**600,000**	**-**		

Bảng tổng hợp			
	Số phát sinh	**Số đã trả**	**Còn Lại**
Gốc	299,000,000	279,851,712	**19,148,288**
Phí	7,929,669	300,000	**7,629,669**
Lãi	9,584,691		**9,584,691**
Tổng nghĩa vụ	**316,514,360**	**280,151,712**	**36,362,648**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Chuyên viên HT.QLKH

Nguyễn Thành Tân

Chuyên gia QLKH

Lê Thi Thúy Hòa

Phó Giám đốc QLKH KV Miền Trung

Hoàng Thế Quang

, tổng cộng số tiền gốc, lãi và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 10/03/2023 theo Giấy nhận nợ lần 1 số 2007LDS202100699 ngày 25 tháng 11 năm 2021 là 4.139.741.536 đồng *(Bằng chữ: Bốn tỷ một trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi mốt ngàn năm trăm ba mươi sáu đồng chẵn)*. Trong đó:

Số tiền gốc : 3.660.000.000 đồng.

Số tiền lãi : 401.446.849 đồng.

Số tiền lãi chậm trả : 59.705.046 đồng

Theo Giấy nhận nợ lần 2 số 2007LDS202100709 ngày 30 tháng 11 năm 2021 tổng cộng số tiền gốc, lãi và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 10/03/2023 là

4.900.348.924 đồng *(Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm triệu, ba trăm bốn mươi tám ngàn, chín trăm hai mươi bốn đồng)*. Trong đó:

Số tiền gốc : 4.340.000.000 đồng.

Số tiền lãi : 470.979.178 đồng.

Số tiền lãi chậm trả : 89.369.746 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi phải trả tạm tính đến ngày 10/03/2023 của 02 giấy nhận nợ là: 9.040.090.460 đồng *(Bằng chữ: Chín tỷ không trăm bốn mươi triệu, không trăm chín mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng).*

Mặc dù từ ngày quá hạn đến nay, Agribank Chi nhánh Ông Ích Khiêm Nam Đà Nẵng đã nhiều lần điện thoại liên lạc và cán bộ trực tiếp đến nhà làm việc nhằm đôn đốc thu hồi nợ cũng như bản thân ông Nguyễn Quốc Huy và bà Trần Thị Thùy Tâm đã nhiều lần cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn cố tình dây dưa, chây ỳ không chịu trả nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc Huy và bà Trần Thị Thùy Tâm phải trả nợ cho Agribank Chi nhánh Ông Ích Khiêm Nam Đà Nẵng tổng số tiền gốc, lãi và lãi chậm trả tạm tính đến ngày 10/03/2023 là: 9.040.090.460 đồng *(Bằng chữ: Chín tỷ không trăm bốn mươi triệu không trăm chín mươi nghìn bốn trăm sáu mươi đồng).* Đồng thời, tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn và lãi chậm trả phát sinh từ ngày 11/03/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Quốc Huy và bà Trần Thị Thùy Tâm không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho Ngân hàng thì đề nghị cho phát mãi tài sản là:

Nhà ở tại địa chỉ: Lô 9B1-29 Khu dân cư số 04 Nguyễn Tri Phương, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 548418 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 11748), do UBND quận Hải Châu – thành Phố Đà Nẵng cấp ngày 03/10/2007 đứng tên ông Nguyễn Quốc Huy và bà Trần Thị Thùy Tâm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn để cung cấp bản khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông Nguyễn Quốc Huy và bà Trần Thị Thùy Tâm vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các

nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại Tòa án trong các phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn trả nợ vay cho Ngân hàng nếu không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Ông Ích Khiêm Nam Đà Nẵng với ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về khoản nợ:

Ngày 23.12.2020 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Ông ích Khiêm Nam Đà Nẵng và ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm có ký kết với nhau Hợp đồng cấp tín dụng số 2007LAV202000419. Hạn mức cho vay: 10.000.000.000 (*Mười tỷ*) đồng. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức; Thời hạn cho vay: Theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh Mua bán cát sạn; ô tô, xe máy đã qua sử dụng, đồ gỗ mỹ nghệ; Cho thuê xe du lịch và các chi phí khác năm 2020 và năm tiếp theo.

Để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, Agribank Chi nhánh Ông Ích Khiêm Nam Đà Nẵng đã giải ngân cho ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm bằng 02 Giấy nhận nợ như sau:

Giấy nhận nợ lần 1: Số 2007LDS202100699 ngày 25/11/2021, Số tài khoản giải ngân: 2007 206066036, số tiền giải ngân: 3.660.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 11 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 25/10/2022.

Giấy nhận nợ lần 2: Số 2007LDS202100709 ngày 30/11/2021, Số giải ngân: (Số tài khoản 2007 206066036), số tiền giải ngân: 4.340.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 11 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 30/10/2022.

Cả hai Giấy nhận nợ trên lãi suất cho vay 8,5%. Lãi suất chậm trả: 10%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đối với khoản vay thứ 01, số tiền gốc : 3.660.000.000 đồng và khoản vay thứ 2 số tiền gốc 4.340.000.000 đồng ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm không trả nợ lãi theo đúng kỳ hạn đã cam kết từ ngày 01/3/2022. Ngày 17/02/2022 Agribank đã thông báo chuyển nợ quá hạn đối với hợp đồng tín dụng số 2007LAV202000419.

Tại phiên tòa, Agribank Chi nhánh Ông Ích Khiêm – Nam Đà Nẵng yêu cầu ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm phải trả gốc và lãi tính đến ngày 10/3/2023 là:

Giấy nhận nợ số 01 tiền gốc 3.660.000.000 đồng, (trong đó lãi trong hạn 401.446.849 đồng, lãi quá hạn: 57.958.356 đồng, lãi chậm trả 20.336.331 đồng). Tổng cộng: 4.139.741.536 đồng.

Giấy nhận nợ số 02 tiền gốc 4.340.000.000 đồng (trong đó lãi trong hạn 470.979.178 đồng, lãi quá hạn: 65.694.521đồng, lãi chậm trả 23.675.225 đồng). Tổng cộng: 4.900.348.924 đồng.

Tổng số tiền ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm còn nợ gốc và lãi: 9.040.090.460 đồng, trong đó lãi quá hạn 123.652.877 đồng; lãi trong hạn 872.426.027 đồng, lãi chậm trả 44.011.556 đồng. Ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Giấy nhận nợ, kể từ ngày 11/3/2023 đến ngày trả hết nợ.

[2.2] Về tài sản bảo đảm: Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm sau:

Thế chấp nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 55, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK548418, vào sổ cấp GCN: H11748 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 03/10/2007 tại địa chỉ Lô 9B1-29 Khu

dân cư số 04 Nguyễn Tri Phương, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Nguyễn Quốc Huy và bà Trần Thị Thùy Tâm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 2007-LCL-202000372 ngày 23/12/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm (thành phố Đà Nẵng) ngày 23/12/2020, số công chứng 10561; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại quận Hải Châu ngày 23/12/2020, quyển số 02 ngày 23/12/2020.

[3] Xét thấy ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với tài sản thế chấp: Ngày 30/12/2022, Tòa án nhân dân quận Hải Châu tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng của tài sản thế chấp là nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 55, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK548418 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 03/10/2007 tại địa chỉ Lô 9B1-29 Khu dân cư số 04 Nguyễn Tri Phương, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cho ông Nguyễn Quốc Huy và bà Trần Thị Thùy Tâm, theo hiện trạng, không có thay đổi gì so với thời điểm thế chấp tài sản. Ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó tài sản thế chấp trên được xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm phải chịu theo quy định của pháp luật.

Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các điều 117, 299, 320, 322, 323; 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đối với ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền nợ tính đến ngày 10.3.2023 là 9.040.090.460 (Chín tỷ không trăm bốn mươi triệu, không trăm chín mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng) trong đó, lãi quá hạn 123.652.877 đồng, lãi trong hạn 872.426.027 đồng, lãi chậm trả 44.011.556 đồng và phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 11.3.2023 cho đến khi thanh toán xong hết nợ vay theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số 2007LAV202000419 ngày 23.12.2020, Giấy nhận nợ ngày 25.11.2021 và Giấy nhận nợ ngày 30.11.2021.

Trường hợp ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 55, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK548418, vào sổ cấp GCN: H11748 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 03/10/2007 tại địa chỉ Lô 9B1-29 Khu dân cư số 04 Nguyễn Tri Phương, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Nguyễn Quốc Huy và bà Trần Thị Thùy Tâm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Trường hợp khoản nợ được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 55 tại địa chỉ Lô 9B1-29 Khu dân cư số 04 Nguyễn Tri Phương, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng được thanh toán xong thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK548418, vào sổ cấp GCN: H11748 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 03/10/2007 tại địa chỉ Lô 9B1-29 Khu dân cư số 04 Nguyễn Tri Phương, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cho ông Nguyễn Quốc Huy và bà Trần Thị Thùy Tâm theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm phải chịu 117.040.090 (Một trăm mười bảy triệu, không trăm bốn mươi nghìn, không trăm chín mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 52.804.153 (Năm mươi hai triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn, một trăm năm mươi ba đồng) theo biên lai thu số 00006219 ngày 17/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm phải chịu. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã tạm ứng nên ông Nguyễn Quốc Huy, bà Trần Thị Thùy Tâm phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Ông Ích Khiên Nam Đà Nẵng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hữu